

QUỐC HỘI

Nghị quyết số: 100/2023/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****NGHỊ QUYẾT****Về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV****QUỐC HỘI***Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;**Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;**Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV;***QUYẾT NGHỊ:**

1. Quốc hội thống nhất đánh giá, sau 2,5 ngày làm việc nghiêm túc, dân chủ, trách nhiệm, có tính xây dựng cao, phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 đã thành công tốt đẹp, thu hút được sự quan tâm của Nhân dân và cử tri cả nước. Quốc hội ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ trên các lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, dân tộc, khoa học và công nghệ, giao thông vận tải và thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, giám sát chuyên đề có liên quan, đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Qua chất vấn, Quốc hội nhận thấy vẫn còn không ít tồn tại, hạn chế và bất cập cần khắc phục. Quốc hội cơ bản tán thành với các giải pháp, cam kết mà Bộ trưởng các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các thành viên khác của Chính phủ báo cáo tại phiên chất vấn.

2. Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tập trung thực hiện những giải pháp, cam kết, sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực được chất vấn, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chương trình, chiến lược trong các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng và các quy định của pháp luật. Cụ thể:

2.1. Đối với lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

Triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng, luật, nghị quyết của Quốc hội và chiến lược, quy hoạch về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, góp phần thực hiện thành công đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo nghề, ưu tiên cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế. Thực hiện hiệu quả công tác hướng nghiệp, các giải pháp phân luồng trong giáo dục phổ thông; triển khai việc vừa đào tạo nghề và dạy văn hóa tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, bảo

đảm học sinh tốt nghiệp vừa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông vừa có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề. Đẩy nhanh lộ trình phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động; có chính sách khuyến khích học sinh khá, giỏi vào đào tạo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Đến năm 2025, nâng chất lượng đào tạo của một số trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, trong đó một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới; phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 28% đến 30%; thu hút 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào đào tạo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động; tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề đạt 45%; tỷ lệ lao động có các kỹ năng số trình độ cơ bản đạt 80%.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và thực hiện tự chủ theo lộ trình, đẩy nhanh chuyển đổi số, áp dụng quản trị tiên tiến đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, gắn với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động. Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo; chú trọng các ngành nghề, lĩnh vực đào tạo có thế mạnh; đến năm 2025, giảm khoảng 20% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập so với năm 2020, trong đó: Giảm khoảng 40% trường trung cấp công lập; nâng tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lên khoảng 45%. Chú trọng phát triển giáo dục nghề nghiệp ở nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, chuẩn hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đào tạo và các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, tiếp cận chuẩn các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới. Đổi mới công tác đánh giá và công nhận trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là đối với lao động có kiến thức, kỹ năng nhưng chưa có chứng chỉ về đào tạo nghề. Tăng cường nguồn lực, ưu tiên ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp; chuyển nhanh cơ chế cấp phát ngân sách sang đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả, chất lượng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước. Ưu tiên quỹ đất sạch dành cho giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao hiệu quả liên kết, kết hợp giữa nhà trường - nhà nước - doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục ngoài công lập, nhất là các trường cao đẳng, trung cấp; định kỳ đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật để tạo nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, hạn chế tình trạng sa thải lao động, nhanh chóng đưa người lao động quay trở lại thị trường lao động, khắc phục những hạn chế của chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Khẩn trương hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu về lao động và việc làm, hướng tới quản trị thị trường lao động, việc làm hiện đại, linh hoạt, chủ động, đáp ứng yêu cầu của thị trường, của doanh nghiệp với quá trình phát triển kinh tế số. Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm; sớm có giải pháp giảm dần tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức. Trong quý III năm 2023, ban hành định mức

kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm sử dụng nguồn từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo dõi, thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời diễn biến của nền kinh tế và thị trường lao động để chủ động có giải pháp hỗ trợ kịp thời, bảo đảm an sinh xã hội, giảm bớt khó khăn cho người lao động, người sử dụng lao động. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo đảm mở rộng, khuyến khích người lao động, người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân; khắc phục hiệu quả tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội và các hành vi gian lận, trục lợi khác, hạn chế tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần; bảo đảm công tác quản lý, đầu tư Quỹ Bảo hiểm xã hội an toàn, bền vững và hiệu quả. Đến năm 2025, phấn đấu đạt khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền chính sách, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội. Trong năm 2023, chỉ đạo rà soát, thống kê đầy đủ, giải quyết dứt điểm vướng mắc đối với số chủ hộ kinh doanh cá thể đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, các trường hợp thu, chi bảo hiểm xã hội không đúng quy định, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội; chủ động rà soát để kịp thời phát hiện, đề xuất giải pháp xử lý, giải quyết các trường hợp phát sinh chưa được pháp luật về bảo hiểm xã hội quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo các cơ quan khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh các hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP ngày 15/8/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các quy định của pháp luật có liên quan, bảo vệ quyền lợi của người lao động.

2.2. Đối với lĩnh vực dân tộc

Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, đặc biệt là Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới, Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu sửa đổi, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng quan trọng về chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030. Trong năm 2023, nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh một số mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn, tránh lãng phí, tiêu cực; đôn đốc triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các chương trình, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025; nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm việc phân cấp cho cấp huyện chủ động quyết định, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, danh mục dự án đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, báo cáo Quốc hội khi tiến hành giám sát tối cao chuyên đề về 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Kỳ họp thứ 6.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về công tác dân tộc; tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về quy hoạch, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; cải cách thủ tục hành chính để thu hút, huy động nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, đối tượng nghèo là phụ nữ và trẻ em dân tộc thiểu số; khẩn trương triển khai hợp phần “Cải thiện dinh dưỡng” cho trẻ em và “Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, tập trung nguồn lực đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, các dự án liên kết có tác động lan tỏa về phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Sớm nghiên cứu tham mưu việc tổng kết Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, đề xuất chính sách phù hợp để đầu tư, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, đặc biệt là đầu tư về hệ thống cơ sở hạ tầng, đường vành đai biên giới và chính sách an sinh xã hội.

Sớm hoàn thành việc rà soát, tổng hợp, sửa đổi, bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2021 - 2025; lập danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã, thôn chia tách, sáp nhập hoặc cần phải điều chỉnh tên gọi, gắn với lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đến năm 2025; trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp cụ thể đối với việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành. Trong năm 2023, ban hành và triển khai thực hiện các quy định về cơ chế, chính sách đặc thù giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc từ việc phân định lại các thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực I, II, III và các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2021 đến nay bị dừng thụ hưởng các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội. Khẩn trương hoàn thành và triển khai Đề án về phân định miền núi, vùng cao, bảo đảm chất lượng, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 9/2023.

Khẩn trương rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, quan tâm hướng dẫn nguyên tắc đối với các địa phương tự cân đối ngân sách để thực hiện Chương trình này. Tháo gỡ dứt điểm vướng mắc về cơ chế, chính sách, quản lý và thực hiện đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia từ Trung ương tới địa phương; trong đó, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn để khắc phục sự chậm trễ, chồng chéo, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, tạo đột phá và chuyển biến căn bản trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là cơ chế lồng ghép nguồn lực, phân cấp, phân quyền trong quản lý đầu tư và cơ chế đặc thù trong triển khai các dự án có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chuyển đổi nghề cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất. Trong đó, cần chủ động nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh nguồn vốn giữa các dự án, tiểu dự án phù hợp với điều kiện của địa phương, tính toán cơ chế hỗ trợ nhà ở, đất ở sát với thực tiễn. Đến năm 2025, phần

đầu giải quyết đất ở cho hơn 17.400 hộ, giải quyết đất sản xuất cho hơn 47.200 hộ, giải quyết sinh kế cho 271.800 hộ đồng bào dân tộc thiểu số; cơ bản không còn tình trạng dân di cư tự do, hoàn thành công tác sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư. Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, chỉ đạo các địa phương khẩn trương hoàn thành việc đăng ký cư trú, đăng ký hộ tịch cho các hộ dân di cư tự do. Chủ động sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách và xây dựng các chính sách triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn 2026 - 2030.

Hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên ở các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt sang mục đích ngoài lâm nghiệp; **hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp vào năm 2026, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự**. Tháo gỡ kịp thời các vướng mắc về cơ chế, chính sách đầu tư trồng rừng, giao khoán bảo vệ rừng, sản xuất nuôi trồng dưới tán rừng. Phấn đầu từ năm 2024, nâng mức hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước để khuyến khích, hỗ trợ đồng bào, tạo việc làm, tăng thu nhập từ rừng, gắn bó hơn với rừng; bố trí đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện, bảo đảm mục tiêu bảo vệ, phát triển bền vững đối với toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới, giảm ít nhất 10%/năm số vụ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại so với năm 2020.

2.3. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ

Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; triển khai đồng bộ các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2030. Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm từ 2% tổng chi ngân sách trở lên theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thống kê, tổng hợp số liệu, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ tại các cơ quan, địa phương. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục thanh, quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế giao khoán sản phẩm. Có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ và đẩy mạnh liên kết với các tổ chức khoa học, công nghệ trong và ngoài nước, các doanh nghiệp nước ngoài. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin công nghệ trong nước và

quốc tế. Nghiên cứu hoàn thiện hành lang pháp lý về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, đặc biệt là hoàn thiện khung số lượng và mức trần sử dụng ngân sách nhà nước bố trí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Hoàn thiện cơ chế đối tác công - tư, tạo hành lang pháp lý cho các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư cộng đồng và các nền tảng công nghệ số để huy động vốn đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Giải quyết hiệu quả các vướng mắc để giải phóng tối đa nguồn lực từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Rà soát, sắp xếp tổ chức khoa học và công nghệ công lập gắn với định hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tự chủ, liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ. Triển khai các giải pháp, đặc biệt chú trọng đầu tư để cơ sở giáo dục đại học trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trung tâm đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ trình độ cao. Xây dựng cơ chế phù hợp khuyến khích nhà khoa học tại các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập dành thời gian nghiên cứu, làm việc tại doanh nghiệp; thu hút, trọng dụng các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong và ngoài nước để nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, các Tổng công trình sư đạt trình độ của khu vực và quốc tế. Ban hành và thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát chính sách mới, đặc thù, vượt trội đối với nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao; công nhận, đăng ký các dịch vụ, sản phẩm, mô hình kinh doanh mới; thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước. Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Phối hợp triển khai đồng bộ, tổng thể các giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao thông qua các hoạt động hỗ trợ về đổi mới, làm chủ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, khai thác tài sản trí tuệ, thông tin khoa học và công nghệ... trên cơ sở thực hiện hiệu quả các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Chú trọng xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu công nghiệp; xử lý kịp thời và dứt điểm số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp còn tồn đọng.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về công nghệ cao, nhất là ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Đánh giá hiệu quả việc đầu tư các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ cao trong phát triển nông nghiệp gắn với thị trường tiêu thụ bền vững. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về các loại hình khu chức năng (bao gồm: Khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung), bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, có tính đến đặc thù của từng loại hình. Đẩy mạnh xã

hội hoá các dịch vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Thúc đẩy hoạt động truyền thông về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

2.4. Đối với lĩnh vực giao thông vận tải

Cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục đầu tư; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm của ngành giao thông vận tải, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, di dời hạ tầng kỹ thuật, khu đỗ thải, bảo đảm đủ nguồn vật liệu trong quá trình thực hiện các dự án hạ tầng giao thông, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại trong khảo sát, thiết kế, xây dựng, quản lý, khai thác hạ tầng giao thông. Đánh giá tổng thể và nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc đã được đầu tư theo quy mô phân kỳ (2 làn xe hoặc 4 làn xe, không có làn dừng xe khẩn cấp) thành đường ô tô cao tốc phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế theo quy định, bảo đảm phù hợp với nhu cầu vận tải. Tập trung hoàn thiện các tuyến đường gom, đường dân sinh, trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường cao tốc đã đưa vào khai thác; triển khai hệ thống giao thông thông minh và các giải pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông khi đưa vào khai thác. Khẩn trương xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về thu phí đối với các tuyến đường cao tốc đầu tư bằng ngân sách nhà nước. Trong năm 2023, đề xuất các giải pháp cụ thể, khả thi xử lý dứt điểm vướng mắc, bất cập đối với một số dự án BOT. Đến năm 2025, phần đầu cả nước có khoảng 3.000 km đường cao tốc và cơ bản thông tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, huy động tối đa các nguồn lực ngoài ngân sách, áp dụng đa dạng, kết hợp linh hoạt các loại hợp đồng đầu tư theo phương thức PPP phù hợp với đặc điểm, lợi thế của từng lĩnh vực của ngành. Bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi, hiệu quả trong việc huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; việc thí điểm (nếu có) những nội dung khác với quy định của luật phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành; đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Nghiên cứu triển khai các giải pháp về an toàn giao thông, chống ùn tắc ngay từ khi lập các quy hoạch thuộc lĩnh vực giao thông vận tải. Triển khai quyết liệt các giải pháp kiểm soát tải trọng phương tiện; bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông gắn với rà soát điểm tiềm ẩn tai nạn, xử lý dứt điểm các “điểm đen”.

Tiếp tục cơ cấu lại thị trường vận tải theo hướng giảm thị phần vận tải đường bộ, tăng thị phần vận tải đường thủy, hàng hải, đường sắt, hàng không; đẩy mạnh phát triển ngành logistics để giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp, tăng tỷ trọng đóng góp của dịch vụ logistics trong GDP, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Quy hoạch, đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông công cộng khu vực đô thị, nhất là các tuyến đường sắt đô thị và liên tỉnh, gắn với lộ trình hạn chế sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tại các đô thị lớn; thí điểm mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD). Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phương tiện, linh kiện, vật liệu và hạ tầng, bảo vệ môi trường, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, lưu hành phương tiện thân thiện với môi trường.

Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về đăng kiểm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng kiểm, bảo đảm thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Trong năm 2023, thực hiện tách chức năng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đăng kiểm; đẩy mạnh xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ đăng kiểm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giám sát hoạt động kiểm định tại các đơn vị đăng kiểm, bảo đảm đồng bộ, công khai, minh bạch. Xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức có sai phạm trong hoạt động đăng kiểm; khẩn trương khắc phục khó khăn, vướng mắc, đưa hoạt động đăng kiểm trở lại bình thường, đáp ứng đầy đủ nhu cầu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải.

Khẩn trương hoàn thiện quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi và quản lý giấy phép điều khiển phương tiện giao thông; nghiên cứu giải pháp quản lý sau đào tạo đối với lái xe kinh doanh vận tải. Có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, phòng, chống, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chấm dứt tình trạng cấp giấy phép lái xe cho người nghiện ma túy, người không đủ năng lực hành vi, sức khỏe. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu trong công tác đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

3. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan, tổ chức hữu quan, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết; Bộ trưởng các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết tại các Kỳ họp sau.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.